

Số: 131 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Quốc tế Top Lead số 01/ĐTM/MT ngày 27 tháng 9 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3746/TTr-CCBVMT ngày 28 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Quốc tế Top Lead (địa chỉ tại đường N6b và đường D3, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất bao bì tại đường N6b và đường D3, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất bao bì.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường N6b và đường D3, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2167328241 do Sở Kế

hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 07 tháng 12 năm 2020; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số: 3702514763 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 23 tháng 11 năm 2020.

1.4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 847/QĐ-STNMT ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Mã số thuế: 3702514763.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất, gia công, in ấn các loại bao bì giấy gói quà, gói đồ chơi.
- Sản xuất, gia công vật liệu giấy dùng trong mỹ thuật, trang trí, đóng gói nghệ thuật, bao bì mỹ thuật.
- Sản xuất, gia công các loại bao bì mỹ thuật bằng giấy nhựa, bằng vải không dệt.
- In trên bao bì bằng màng BOPP do Công ty sản xuất (không thực hiện gia công in ấn).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

1.7.1. Phạm vi:

Tổng diện tích đất của nhà máy là 20.025,5m².

1.7.2. Quy mô:

- Nhà máy có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Nhà máy chỉ về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.7.3. Công suất:

- Công suất theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Sản xuất, gia công, in ấn các loại bao bì giấy gói quà, gói đồ chơi; sản xuất, gia công vật liệu giấy dùng trong mỹ thuật, trang trí, đóng gói nghệ thuật, bao bì mỹ thuật; sản xuất, gia công các loại bao bì mỹ thuật bằng giấy nhựa, bằng vải không dệt; in trên bao bì bằng màng BOPP do Công ty sản xuất (không thực hiện gia công in ấn) với sản lượng 11.000.000 kg/năm.

- Công suất sản xuất của Công ty hiện nay: Bao bì, giấy gói quà, giấy đóng gói hoa nghệ thuật qua in ấn với công suất 4.000.000 kg/năm; bao bì, giấy gói quà, đóng gói hoa nghệ thuật không qua in ấn với công suất 7.000.000 kg/năm.

ĐÃ X
TÀI N
V
MÔI T
B IN

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu đầu vào (Màng nhựa BOPP/CPP) => In (nếu có) => Cắt chia cuộn => Thu cuộn, dập lỗ, cắt dao lạng, cắt tấm => Ghép mí => Đóng thành sấp => Đóng gói => Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Quốc tế Top Lead:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Quốc tế Top Lead có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 29 tháng 9 năm 2023 đến ngày 29 tháng 9 năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy sản xuất bao bì tại đường N6b và đường D3, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1,



phường Phú Chánh, Thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Quốc tế Top Lead theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Quốc tế Top Lead;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Phú Chánh;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Quang6.

GIÁM ĐỐC



Ngô Quang Sự



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 131/GPMT-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải của Công ty được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu vực nhà văn phòng, khu vực nhà xưởng số 1, khu vực nhà xưởng số 2, khu vực nhà xưởng số 3, khu vực gần trạm xử lý nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (mỗi bể có dung tích 11m³) và nước rửa tay chân của công nhân viên được thu gom bằng ống PVC đường kính 200mm về công trình xử lý nước thải của Nhà máy công suất thiết kế 35 m³/ngày để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động giải nhiệt cho các máy bọc hoa (bao gồm cả công đoạn dập lỗ, cắt dao lạng, cắt tấm, ghép mí bao bì) tại 02 tháp giải nhiệt được thu gom bằng ống PVC đường kính 200mm về công trình xử lý nước thải của Nhà máy công suất thiết kế 35 m³/ngày để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại + nước rửa tay chân của công nhân viên + nước thải sản xuất => Bể thu gom => Bể điều hòa => Bể thiếu khí => Bể sinh học hiếu khí => Bể lắng sinh học => Bể khử trùng => Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

- Công suất thiết kế hệ thống: 35 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành công trình theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Quy trình ứng phó sự cố: Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 thì nước thải phát sinh được tuần hoàn về lại bể thu gom (thể tích $5,04m^3$), bể điều hòa (thể tích $12,6m^3$) hoặc giảm công suất sản xuất hoặc dừng hoạt động tại các công đoạn phát sinh nước thải. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 tháng (bắt đầu sau 10 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Công trình xử lý nước thải tập trung có công suất thiết 35 m^3 /ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: Tại bể thu gom của công trình xử lý nước thải tập trung công suất 35 m³/ngày.

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Nước thải sau xử lý của công trình xử lý nước thải tập trung công suất 35 m³/ngày trước khi đầu nối vào hệ thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể thu gom và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra sau công trình xử lý nước thải công suất 35 m³/ngày trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 trong 03 ngày liên tiếp*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1.51 /GPMT-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

TT		Nguồn khí thải
1	Nguồn số 01	Hơi dung môi phát sinh từ máy in số 01
2	Nguồn số 02	Hơi dung môi phát sinh từ máy in số 02
3	Nguồn số 03	Hơi dung môi phát sinh từ máy in số 03
4	Nguồn số 04	Hơi dung môi phát sinh từ máy in số 04
5	Nguồn số 05	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 01
6	Nguồn số 06	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 01
7	Nguồn số 07	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 02
8	Nguồn số 08	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 02
9	Nguồn số 09	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 03
10	Nguồn số 10	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 03
11	Nguồn số 11	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 04
12	Nguồn số 12	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 04
13	Nguồn số 13	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 05
14	Nguồn số 14	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 05
15	Nguồn số 15	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 06
16	Nguồn số 16	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ

		nhiệt máy bọc hoa số 06
17	Nguồn số 17	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 07
18	Nguồn số 18	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 07
19	Nguồn số 19	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 08
20	Nguồn số 20	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 08
21	Nguồn số 21	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 09
22	Nguồn số 22	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 09
23	Nguồn số 23	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 10
24	Nguồn số 24	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 10
25	Nguồn số 25	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 11
26	Nguồn số 26	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 11
27	Nguồn số 27	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 12
28	Nguồn số 28	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 12
29	Nguồn số 29	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 13
30	Nguồn số 30	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 13
31	Nguồn số 31	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 14
32	Nguồn số 32	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 14
33	Nguồn số 33	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 15
34	Nguồn số 34	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 15

35	Nguồn số 35	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 16
36	Nguồn số 36	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 16
37	Nguồn số 37	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 17
38	Nguồn số 38	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 17
39	Nguồn số 39	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 18
40	Nguồn số 40	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 18
41	Nguồn số 41	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 19
42	Nguồn số 42	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 19
43	Nguồn số 43	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 20
44	Nguồn số 44	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 20
45	Nguồn số 45	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 21
46	Nguồn số 46	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 21
47	Nguồn số 47	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 22
48	Nguồn số 48	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 22
49	Nguồn số 49	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 23
50	Nguồn số 50	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 23
51	Nguồn số 51	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 24
52	Nguồn số 52	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 24

3A
 TÀI
 ÔI T
 BIN

✓

53	Nguồn số 53	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 25
54	Nguồn số 54	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 25
55	Nguồn số 55	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 26
56	Nguồn số 56	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 26
57	Nguồn số 57	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 27
58	Nguồn số 58	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 27
59	Nguồn số 59	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn ghép mí máy bọc hoa số 28
60	Nguồn số 60	Hơi dung môi phát sinh từ công đoạn dập lỗ nhiệt máy bọc hoa số 28
61	Nguồn số 61	Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

TT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Toạ độ VN2000 Kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)
1	Nguồn số 01 số 04	Dòng thải số 01	Ống thải số 01 của công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ 04 máy in Xưởng 2	X = 1224542 Y = 603897
2	Nguồn số 05 đến số 60	Dòng thải số 02	Ống thải số 02 của công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ 28 khu vực ghép mí và 28 khu vực dập lỗ nhiệt của 28 máy bọc hoa Xưởng 1	X = 1224582 Y = 603894
3	Nguồn số 61	Dòng thải số 03	Ống thải số 03 của máy phát điện dự phòng	X = 1224573 Y = 603897

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 38.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 38.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

+ Dòng khí thải số 01 đến 02: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 08/24 giờ (theo ca sản xuất).

+ Dòng khí thải số 03: Khí thải xả trực tiếp ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn (chỉ hoạt động khi cúp điện).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
I	Dòng khí thải số 01			
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	01 năm/lần
2	Toluene	mg/Nm ³	750	
3	Ethyl acetate	mg/Nm ³	1.400	
4	Methanol	mg/Nm ³	260	
II	Dòng khí thải số 02			
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	01 năm/lần
2	Propylene oxyt	mg/Nm ³	240	
III	Dòng khí thải số 03 Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu dầu DO phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa) chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có công trình xử lý khí thải và không phải vận hành thử nghiệm.			

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01 đến 04: Hơi dung môi phát sinh từ 04 máy in Xưởng 2, được thu gom theo đường ống có đường kính 700mm về tháp hấp phụ than hoạt tính để xử lý, sau đó xả ra môi trường thông qua ống thải có đường kính 400mm, cao 15m.

- Nguồn số 05 đến 60: Hơi dung môi phát sinh từ 28 khu vực ghép mí và 28 khu vực dập lỗ nhiệt của 28 máy bọc hoa Xưởng 1, được thu gom theo đường ống có đường kính 600mm về tháp hấp phụ than hoạt tính để xử lý, sau đó xả ra môi trường thông qua ống thải có đường kính 600mm, cao 15m.

- Nguồn số 61: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và thoát ra ngoài qua ống thải hình chữ nhật (kích thước 2m x 1,8m, cao 06m).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Nguồn số 01 đến 04 (Công trình xử lý hơi dung môi từ 04 máy in Xưởng 2)

- Số lượng công trình: 01 công trình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi phát sinh từ 04 máy in Xưởng 2 => Chụp hút => Đường ống thu gom => Quạt hút => Tháp hấp phụ than hoạt tính => Thoát ra môi trường qua 01 ống thải.

- Công suất thiết kế: 38.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2.2. Nguồn số 05 đến 60 (Công trình xử lý hơi dung môi từ 28 khu vực ghép mí và 28 khu vực dập lỗ nhiệt của 28 máy bọc hoa Xưởng 1)

- Số lượng công trình: 01 công trình.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Hơi dung môi phát sinh từ 28 khu vực ghép mí và 28 khu vực dập lỗ nhiệt của 28 máy bọc hoa Xưởng 1 => Chụp hút => Đường ống thu gom => Quạt hút => Tháp hấp phụ than hoạt tính => Thoát ra môi trường qua 01 ống thải.

- Công suất thiết kế: 38.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải, nếu khí thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Công ty phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; có nhật ký vận hành công trình xử lý khí thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng... để kịp thời nhận biết các sự cố.



- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của công trình. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý bụi, khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý bụi, khí thải bảo đảm công trình hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý bụi, khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 01 tháng (bắt đầu sau 10 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ 04 máy in Xưởng 2.
- Công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ 28 khu vực ghép mí và 28 khu vực dập lỗ nhiệt của 28 máy bọc hoa Xưởng 1.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Tại ống thải số 01, sau công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ 04 máy in Xưởng 2.

- Tại ống thải số 02, sau công trình xử lý hơi dung môi phát sinh từ 28 khu vực ghép mí và 28 khu vực dập lỗ nhiệt của 28 máy bọc hoa Xưởng 1.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải)

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tại ống thải trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải; phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



✓

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~151~~ /GPMT-STNMT ngày ~~29~~ tháng 9 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực in tại Xưởng 2.
- Nguồn số 02: Khu vực công trình xử lý hơi dung môi công đoạn in tại Xưởng 1.
- Nguồn số 03: Khu vực công trình xử lý hơi dung môi từ công đoạn ghép mí, dập lỗ nhiệt.
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 05: Khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 06: Khu vực tháp giải nhiệt số 1.
- Nguồn số 07: Khu vực tháp giải nhiệt số 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số	Vị trí phát sinh tiếng ồn	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45' múi chiều 3°)	
		X	Y
01	Khu vực in tại Xưởng 2	X = 1224555	Y = 603920
02	Khu vực công trình xử lý hơi dung môi công đoạn in khu vực Xưởng 1	X = 1224542	Y = 603897
03	Khu vực công trình xử lý hơi dung môi từ công đoạn ghép mí, dập lỗ nhiệt	X = 1224582	Y = 603894
04	Khu vực máy phát điện dự phòng	X = 1224573	Y = 603897
05	Khu vực máy nén khí	X = 1224588	Y = 603897
06	Khu vực tháp giải nhiệt số 1	X = 1224588	Y = 603894
07	Khu vực tháp giải nhiệt số 2	X = 1224588	Y = 603899

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN



62

27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Thường xuyên bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 131 /GPMT-STNMT ngày 29 tháng 9 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	NH	12
2	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	6.600
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	13 01 01	NH	6
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	12
5	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	NH	100
6	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	12
7	Mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/lỏng	08 02 01	KS	150
8	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	12 06 05	KS	300
9	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác	Rắn/lỏng	17 08 03	KS	250

10	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	KS	100
11	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	KS	200
12	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	200
13	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác); giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	2.250
Tổng cộng					10.192

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Nhựa (phế phẩm nhựa thải, bụi từ công đoạn dập lỗ)	03 02 12	84.000
2	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	5.500
3	Bao bì nhựa thải	18 01 06	500
Tổng cộng			90.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (túi nilon, vỏ lon,...), khối lượng khoảng 45.000 kg/năm, tương đương khoảng 150 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

ky

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị các thùng phuy, khay đựng được bố trí để trong kho chứa có dán nhãn phân biệt chất thải nguy hại.

2.1.2. Khu vực/kho lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích kho chứa chất thải: 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: Tường gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô)... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Khu vực/kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường kích thước: 150m² (được bố trí nằm trong Xưởng 1).

- Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, tường bao xây gạch, mái che tôn, có cửa ra vào; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có dán nhãn phân biệt cho từng khu vực lưu chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng chứa.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu tập kết: 15m²

- Thiết kế, cấu tạo: Có nền bê tông chống thấm, khu vực cao ráo, không đọng nước mưa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó



Handwritten signature

sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 151/GPMT-STNMT ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 847/QĐ-STNMT ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của cơ sở.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

5. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.



8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

